

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 26/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy*
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nông Triệu Phi - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST - HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 19/4/2021 đối với bị cáo:

Trịnh Văn T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20/12/1961 tại V, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn V và bà Đặng Thị Th (đều đã chết); vợ Hoàng Thị Lan A; con: có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: 01: Tại Quyết định số 332/QĐ-XPHC ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Công an huyện Bạch Thông xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:**

1. Triệu Văn H, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

2. Hoàng Thanh Ch, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

3. Vũ Văn H1, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 30/01/2021, Trịnh Văn T từ nhà mình đi đến nhà Triệu Văn H, sinh năm 1962, trú tại thôn N, xã T chơi thì gặp Hoàng Thanh Ch, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã T, huyện B và Vũ Văn H1, sinh năm 1960, trú tại thôn B, xã T, huyện B rồi cùng ngồi uống nước và nói chuyện với nhau. Sau đó cả T, H, Ch, H1 cùng rủ nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền mặt, thông qua việc sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, thứ tự ngồi chơi theo chiều kim đồng hồ tính từ trái qua phải là T, H, H1, Ch, với luật chơi quy định 52 lá bài sẽ được chia cho 04 người chơi, trong đó người chia bài được chia 10 lá bài, 03 người còn lại mỗi người được chia 9 lá bài, các lá bài dư được đặt ở giữa chiếu, thứ tự chia bài lần lượt từ trái sang phải. Người chia đánh 01 lá bài, người tiếp theo thấy hợp với các lá bài đang có sẽ ăn (thu nhận) lá bài đó để tạo thành phỏm (phỏm là 3 lá cùng giá trị hoặc các lá bài liên tiếp nhau cùng chất), nếu không sẽ bốc lá bài trên cùng của các lá bài dư và tiếp tục như vậy cho đến khi có người ù (có được ba phỏm) hoặc hết 4 lượt đi. Khi ván bài kết thúc có người ù thì những người còn lại sẽ phải trả cho người ù số tiền 50.000đ, nếu không thì sẽ tính tổng điểm các lá bài còn tại trên tay, người có tổng điểm nhỏ nhất sẽ thắng ván bài đó (về nhất), người có tổng điểm nhỏ thứ hai (về nhì) sẽ phải đưa cho người thắng ván bài đó 10.000đ, người có tổng điểm nhỏ thứ ba (về ba) sẽ phải đưa cho người thắng ván bài đó 20.000đ; người có tổng điểm nhỏ thứ tư (về bét) sẽ phải đưa cho người thắng ván bài đó 30.000đ. Nếu người nào không có phỏm sẽ phải trả cho người thắng số tiền 40.000đ. Theo phương thức đánh bạc trên T, H, Ch, H1 ngồi đánh bạc đến khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); 01 (Một) chiếu nhựa cũ đã qua sử dụng; 52 (Năm mươi hai) lá bài tú lơ khơ. Ngoài ra còn thu giữ trên người H 1.516.000đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng); Ch 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); H 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Tại Quyết định truy tố số 01/QĐ-VKSBT ngày 08/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trịnh Văn T tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321/BLHS;

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36/BLHS

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B giáo dục, giám sát.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo làm ruộng không có công việc và thu nhập, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “A1”, bên trong có chứa 52 lá bài tú lơ khơ từ “A” đến “K”;

+ 01 (một) chiếu nhựa có nhiều màu sắc, kích thước 1,6m x 2,0m được niêm phong bằng dải giấy niêm phong ký hiệu “A2”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-A”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “A”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-VH”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “VH”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-C”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “C”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-H”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “H”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) là vật chứng của vụ án được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-A”.

+ Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) của ông Vũ Văn H1 dùng để đánh bạc được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-VH”.

- Trả lại cho ông Triệu Văn H số tiền 1.516.000đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-H”

- Trả lại cho ông Hoàng Thanh Ch số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-C”.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, nhưng người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 15 giờ ngày 30/01/2021, tại nhà ở của ông Triệu Văn H, thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trịnh Văn T, Triệu Văn H, Hoàng Thanh Ch, Vũ Văn H1 dùng số tiền đánh bạc là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) cụ thể như sau: Trịnh Văn T mang theo số tiền 550.000 đồng và dùng tất cả để đánh bạc, thua 250.000 đồng; Triệu Văn H dùng số tiền 330.000 đồng để đánh bạc, thua 220.000 đồng, còn số tiền 1.516.000 đồng thu trên người H không dùng để đánh bạc; Hoàng Thanh Ch dùng 300.000 đồng để đánh bạc, thắng 150.000 đồng, còn số tiền 800.000 đồng thu trên người Ch không dùng để đánh bạc; Vũ Văn H1 dùng số tiền 800.000 đồng sử dụng đánh bạc đây là số tiền khi bị bắt quả tang H1 đang để trên người, H1 thắng bạc, nhưng không rõ là bao nhiêu vì không kiểm đếm. Tổng số tiền đánh bạc thu được trên chiếu bạc là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy số tiền sử dụng đánh bạc dưới 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nhưng tại Quyết định số 332/QĐ-XPHC ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép. Như vậy, tính đến ngày 30/01/2021 bị cáo chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính. Do đó, bị cáo Trịnh Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo Trịnh Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 321/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Ngày 27 tháng 10 năm 2020 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét thấy bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị

cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng theo quy định tại Điều 36/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo làm ruộng không có công việc và thu nhập ổn định do đó miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4]. Trong vụ án này đối với Triệu Văn H, Hoàng Thanh Ch, Vũ Văn H1 là những người cùng tham gia đánh bạc trái phép với Trịnh Văn T, nhưng do số tiền dùng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; H, Ch, H1 không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B chuyển hồ sơ, tài liệu đến Công an huyện B để xử phạt hành chính là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “A1”, bên trong có chứa 52 lá bài tú lơ khơ từ “A” đến “K”;

+ 01 (một) chiếu nhựa có nhiều màu sắc, kích thước 1,6m x 2,0m được niêm phong bằng dải giấy niêm phong ký hiệu “A2”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-A”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “A”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-VH”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “VH”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-C”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “C”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-H”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “H”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) là vật chứng của vụ án được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-A”.

+ Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) của ông Vũ Văn H1 dùng để đánh bạc được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-VH”.

- Trả lại cho ông Triệu Văn H số tiền 1.516.000đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-H”

- Trả lại cho ông Hoàng Thanh Ch số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-C”.

[6]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo Trịnh Văn T không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36/BLHS.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giáo sát, giáo dục. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

* Về khẩu trừ thu nhập: Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “A1”, bên trong có chứa 52 lá bài tứ lơi khơ từ “A” đến “K”;

+ 01 (một) chiếu nhựa có nhiều màu sắc, kích thước 1,6m x 2,0m được niêm phong bằng dải giấy niêm phong ký hiệu “A2”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-A”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “A”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-VH”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “VH”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-C”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “C”;

+ 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu “KT-H”, bên trong có chứa phong bì ban đầu ký hiệu “H”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) là vật chứng của vụ án được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-A”.

+ Số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) của ông Vũ Văn H1 dùng để đánh bạc được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-VH”.

- Trả lại cho ông Triệu Văn H số tiền 1.516.000đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-H”

- Trả lại cho ông Hoàng Thanh Ch số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KT-C”.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Người có QLNVLQ 3;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

